



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV. /  
VEWL. /  
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN QUANG ĐAI  
Last Middle First  
Current Address: 33/14 Ng đình Chinh P 15 Quận Phú Nhuận TP HCM  
Date of Birth: 25/12/1948 Place of Birth: Thái Bình  
Previous Occupation (before 1975) 1 LT Trung úy Khóa Sinh Cao Bằng  
(Rank & Position)  
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 26/5/1975 To 28/7/1978  
Years: 03 Months: 02 Days: 02  
3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name  
\_\_\_\_\_  
Address and Telephone Number  
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 03/10/1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Quang Đại  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| Nguyễn Đỗ Minh Khai                      | 12/23/1955    | vợ                  |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

86/2 Ngõ Trong Tuyên P15 Quận Phú Nhuận  
TP HCM.

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

HỒ SƠ BÔNG TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN QUANG ĐAI  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : 12 25 1948  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): \_\_\_\_\_  
MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): X  
(Tinh trang gia dinh):  
ADDRESS IN VIETNAM : 33/14 Ngã đĩnh Chinh P15 Quận Phú Nhuận  
(Dia chi tai Viet-Nam) TP HCM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) \_\_\_\_\_

If Yes (Neu co): From (Tu): 26/5/1975 To (Den): 28/7/1978

PLACE OF RE-EDUCATION: L 19 - T2 Đôn 700  
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): xây dựng nhà

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): \_\_\_\_\_

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Trung úy Khóa Binh Cao Đẳng

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): hộ quân 68/145551 Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X  
IV Number (So ho so): \_\_\_\_\_  
No (Khong): \_\_\_\_\_

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): \_\_\_\_\_  
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 33/14 Ngã đĩnh Chinh P15 Quận Phú Nhuận TP HCM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): \_\_\_\_\_

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): \_\_\_\_\_ No (Khong): \_\_\_\_\_

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): \_\_\_\_\_

NAME & SIGNATURE: \_\_\_\_\_

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT \_\_\_\_\_

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)  
Ng Quang Dai Đai 33/14 Ngã đĩnh Chinh P15  
QPN TP HCM

DATE: \_\_\_\_\_  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

03

10

1990



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV. /  
VEWL. /  
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN QUANG ĐẠI  
Last Middle First

Current Address: 33/14 Nguyễn Đình Chính P.15 Quận Phú Nhuận TP.HCM

Date of Birth: 25/12/1948 Place of Birth: Thái Bình

Previous Occupation (before 1975) Trung úy Khóa sinh Cao Đẳng  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 26/5/1975 To 28/7/1978  
Years: 03 Months: 02 Days: 02

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name  
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|----------------------------------|--------------|
| _____                            | _____        |
| _____                            | _____        |
| _____                            | _____        |
| _____                            | _____        |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 03/10/1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Quang Đại  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| Nguyễn Đỗ Minh Khai                      | 12/23/1955    | vợ                  |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

86/2 Ng~trung Tuyển P15 Quận Phú Nhuận  
TP HCM

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BÔNG TÚC

\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN QUẢNG ĐẠI  
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
 DATE, PLACE OF BIRTH : 12 25 1948  
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): \_\_\_\_\_  
 MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): X  
 (Tinh trang gia dinh):  
 ADDRESS IN VIETNAM : 33/14 Nguyễn Đình Chính P.15 Quận Phú Nhuận  
 (Dia chi tai Viet-Nam) TP HCM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) \_\_\_\_\_If Yes (Neu co): From (Tu): 26/5/1975 To (Den): 28/7/1978PLACE OF RE-EDUCATION: L19.T2 Đoàn 700  
CAMP (Trai tu)PROFESSION (Nghe nghiep): xây dựng nhà

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): \_\_\_\_\_

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Trung úyVN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Khoa Sinh Cao ĐẳngĐã quân 68/145551 Date (năm): 1978APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X

IV Number (So ho so): \_\_\_\_\_

No (Khong): \_\_\_\_\_

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 1

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): \_\_\_\_\_

33/14 Nguyễn Đình Chính P.15 Quận Phú Nhuận TP HCM

NAME &amp; ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): \_\_\_\_\_

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): \_\_\_\_\_ No (Khong): \_\_\_\_\_

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): \_\_\_\_\_

NAME &amp; SIGNATURE: \_\_\_\_\_

ADDRESS &amp; TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

Nguyễn Quảng Đại Đại 33/14 Nguyễn Đình Chính P.15  
QPN TP HCM

DATE: \_\_\_\_\_

Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

03101990

Số 2173-20

## GIẤY RA TRẠI

KH

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07-TTLT ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 32-QĐ ngày 29-01-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

### CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN QUANG ĐAI LLQ-T2

Ngày, tháng, năm sinh: 15/11/1948

Quê quán: Thái Bình

Trú quán: ấp Trung tâm, xã Trảng Bom 1, Thống Nhất, Đ.N.

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 68/M45 Trưởng kỳ

Khóa sinh khóa 4 Cao đẳng kỹ thuật Công binh.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: \_\_\_\_\_ thuộc Huyện,

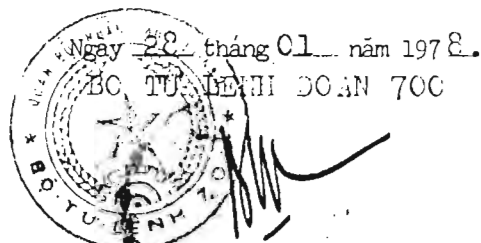
Quận: Thống Nhất Tỉnh, Thành phố: Đồng Nai.

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: \_\_\_\_\_ 06 tháng

- Thời hạn đi đường: \_\_\_\_\_ ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: \_\_\_\_\_



Trung tá: NGUYỄN VĂN BÀN

26

11

9

Hệ các UBND xã Trang Sơn 1.  
 Huyện Thống Nhất. Tỉnh Đồng Nai  
 đề nghị cấp giấy chứng nhận cho về địa phương  
 các ông "Chị" chuyển đến làm thủ  
 tục quản lý.

Ngày 14/3/78.

Đ/UBND xã



LE LAN HANG

Hệ Trang Sơn 1  
 CÔNG AN XÃ

Ngày 18 tháng 3 năm 1978.

Chứng thực anh Đại đã trình  
 diện tại Công An Xã. A/S không nhận  
 nhận đk chuyển đổi. Xinh chuyển đk  
 nhận nhận cha mẹ đ/s đk TT lại thủ tục  
 tại Công An.



Đa - Ngọc - Sang

11/12/79 cấp 07/7 T.12/79

Các nhân

Chức vụ 30/1/1978

Ông Nguyễn Văn Cường Đại cơ đến

Công An huyện Thống Nhất để

phản diện

Chức vụ 18/3/78

Sở Công An huyện



NGUYỄN VĂN CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 13/P3

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn: 15Thị xã, Quận: PHỐ NHUẬNThành phố, tỉnh: HỒ CHÍ MINH

BẢN SAO

Số 87Quyền 01/88

## GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

|                                   | CHỒNG                   | VỢ                      |
|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| HỌ VÀ TÊN                         |                         |                         |
| Bí danh                           | NGUYỄN QUẢNG ĐẠI        | NGUYỄN ĐỖ MINH KHẢI     |
| Sinh ngày                         |                         |                         |
| tháng năm                         | 25 - 12 - 1948          | 23 - 12 - 1955          |
| hay tuổi                          |                         |                         |
| Dân tộc                           | Kinh                    | Kinh                    |
| Quốc tịch                         | Việt Nam                | Việt Nam                |
| Nghề nghiệp                       | Công nhân viên          | Công nhân viên          |
| Nơi đăng ký                       |                         |                         |
| nhân khẩu                         | 33/14 Nguyễn Cảnh Chính | 86/2 Nguyễn Trọng Tuyển |
| thường trú                        | Phường 15 - HN          | Phường 15 - HN          |
| Số giấy CM, CNCC<br>hoặc hộ chiếu | 021718038               | 020113094               |

Đăng ký, ngày 31 tháng 8 năm 1988T.M. UBND Phường 15 - HN

Người chồng ký

Người vợ ký

Ký tên đóng dấu (ghi rõ họ tên, chức vụ)

chủ tịch

(đã ký: NGUYỄN THỊ XUYẾN)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 5 năm 1990T.M. UBND Phường 15 - HN

(ghi rõ họ tên, chức vụ)

CHỦ TỊCH



Thái Bình Sơn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
ĐÔ-THÀNH SAIGON

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: PHU

Lập ngày 28 tháng 12 năm 19 55

X PHUONG

Số hiệu: 18.361

|                                            |                                                                     |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Tên họ đứa trẻ. . . .                      | NGUYEN DO MINH KHAI                                                 |
| Con trai hay con gái. .                    | nữ                                                                  |
| Ngày sanh. . . . .                         | hai mươi ba tháng chạp, năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm, 7 giờ. |
| Nơi sanh . . . . .                         | Saigon, 284, Cong-Quynh                                             |
| Tên họ người cha . .                       | NGUYEN VAN TUONG<br>Khai nhân đứa nhỏ là con                        |
| Tên họ người mẹ. . .                       | DAO THI QUI                                                         |
| Vợ chánh hay không<br>có hôn-thú . . . . . | -----                                                               |
| Tên họ người<br>đứng khai. . . . .         | NGUYEN VAN TUONG                                                    |

TRÍCH LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 26 tháng 8 năm 19 74

Viên-Chức Hộ-Tịch,

NGUYỄN-NHON-HẢO



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn \_\_\_\_\_

Thị xã, Quận \_\_\_\_\_

Thành phố, Tỉnh NGSG

BẢN SAO

Số 14583/HT

THE VI

GIẤY KHAI SINH

Quyền số \_\_\_\_\_

|                                                                                               |                                                                    |                  |               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|
| Họ và tên                                                                                     | NGUYEN QUANG ĐẠI                                                   |                  | Nam, nữ _____ |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | Hai mươi lăm tháng mười hai năm một chín bốn mươi tám (25-12-1948) |                  |               |
| Nơi sinh                                                                                      | Nguyen Xa-Thai Binh                                                |                  |               |
| Khai về cha, mẹ                                                                               | CHA                                                                | MẸ               |               |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | NGUYEN XUAN LAI                                                    | NGUYEN THI PHUOC |               |
| Dân tộc                                                                                       |                                                                    |                  |               |
| Quốc tịch                                                                                     |                                                                    |                  |               |
| Nghề nghiệp                                                                                   | //                                                                 | //               |               |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                           |                                                                    |                  |               |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | me khai                                                            |                  |               |

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 10 năm 19 88Đăng ký ngày 08 tháng 12 năm 19 56

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/UBND TP. HCM ký tên đóng dấu

Phó văn phòng



Nguyễn Quang Đại  
33/14 Ngõ đình Chính P15 Q.P.N  
TP. HCM  
Việt Nam

PARAVION



To P.O. Box 5435, Arlington

APR 09 1990 22205.0635

USA



VIA AIR MAIL PAR AVION